

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Hoàng Kim Niên**;

Bà Đinh Thị Thao.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: anh Hồ Bình T1, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hồ Bình T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 04 năm. Anh, chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11-5-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng

anh, chị chung sống riêng tại thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cạnh nhà bố mẹ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hồ Bình T1 không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Năm 2019 chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, sau khi được phân tích, chị đã rút đơn về, tuy nhiên sau khi quay về anh Hồ Bình T1 không hề thay đổi, vẫn chứng nào tật đó, vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 01-2024 đến nay. Nay chị cảm thấy không thể duy trì cuộc sống như này, do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Bình T1.

Về con chung: chị và anh Hồ Bình T1 có 02 con chung là cháu Hồ Hải A, sinh ngày 07-6-2010 và Hồ Phúc K, sinh ngày 29-8-2021. Từ khi vợ chồng ly thân, chị cùng 02 con chung đã về nhà ngoại ở tại khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống từ đó đến nay, ông ngoại vẫn tạo điều kiện để 03 mẹ con chị sinh sống, học tập ở đây. Hiện chị đang làm giáo viên tại trường mầm non xã C, huyện C với mức thu nhập trung bình 12.640.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con. Do vậy, chị Bùi Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu anh Hồ Bình T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Bình T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập anh Hồ Bình T1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Hồ Bình T1.

Về con chung: căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Hồ Hải A, sinh ngày 07-6-2010 và Hồ Phúc K, sinh ngày 29-8-2021 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Bình T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu do nguyên đơn chị Bùi Thị T cung cấp gồm: đơn khởi kiện; căn cước công dân của chị Bùi Thị T; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh của cháu Hồ Hải A, Hồ Phúc K (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú; quyết định tuyển dụng, điều động, bảng lương; đơn trình bày của ông Bùi Hữu S; quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; bản tự khai của chị Bùi Thị T.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: biên bản lấy lời khai của cháu Hồ Hải A; biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị T2 và biên bản xác minh tại thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn anh Hồ Bình T1 không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn anh Hồ Bình T1 vắng mặt, nguyên đơn chị Bùi Thị T yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Hồ Bình T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Hồ Bình T1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị T và anh Hồ Bình T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11-5-2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên từ năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Hồ Bình T1 không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, năm 2019 anh chị từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nhưng sau khi quay lại mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục, đến tháng 01-2024 thì anh chị ly thân từ đó đến nay, thời điểm vợ chồng ly thân cũng được bà Nguyễn Thị T2, mẹ đẻ của anh Hồ Bình T1 khẳng định. Như

vậy thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Bùi Thị T và anh Hồ Bình T1 có 02 con chung là cháu Hồ Hải A, sinh ngày 07-6-2010 và Hồ Phúc K, sinh ngày 29-8-2021. Từ khi vợ chồng ly thân, chị Bùi Thị Thanh C về nhà ngoại ở khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Hải A và Hồ Phúc K. Hiện tại chị Bùi Thị T đang làm giáo viên tại trường mầm non xã C, huyện C với mức thu nhập trung bình 12.640.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để chăm sóc 02 con. Để cháu Hồ Hải A và Hồ Phúc K ổn định cuộc sống thấy rằng yêu cầu của chị Bùi Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là phù hợp với thực tế, phù hợp với các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của cháu Hồ Hải A.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị Bùi Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 19, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Hồ Bình T1.

2. Về con chung: giao cháu Hồ Hải A, sinh ngày 07-6-2010 và cháu Hồ Phúc K, sinh ngày 29-8-2021 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hồ Bình T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Bùi Thị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005754 ngày 13-12-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Bùi Thị T có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Hồ Bình T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và Điều 46 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phan Thị Thanh Huyền